

CHÍNH SÁCH THUẾ NHẬP KHẨU CỦA VIỆT NAM TRONG ĐIỀU KIỆN HỘI NHẬP VỚI KHU VỰC VÀ THẾ GIỚI

Mã số: 98.1SMET.12

Nguyễn Hoàng
Trưởng Đại học Thương mại
Email: maycay2001@yahoo.com

Ngày nhận: 15/08/2016

Ngày nhận lại: 31/08/2016

Ngày duyệt đăng: 26/09/2016

Trong hoạt động kinh doanh thương mại quốc tế, thuế nhập khẩu là một trong những công cụ cơ bản nhất bởi nó là cơ sở trong buôn bán và là nguồn thu của ngân sách Nhà nước. Sự ra đời của sắc thuế này gắn liền với sự phát triển của ngoại thương và Nhà nước. Trong thời kỳ hội nhập kinh tế khu vực và thế giới, chính sách thuế nhập khẩu đã bộc lộ những hạn chế nhất định, tồn tại những điểm chưa phù hợp với tình hình kinh tế trong nước và trên thế giới. Thực tế này đòi hỏi Việt Nam cần phải có sự sửa đổi và bổ sung nhằm hoàn thiện chính sách thuế nhập khẩu hướng đến sự phù hợp với luật lệ và thông lệ quốc tế, tạo thuận lợi cho quá trình hội nhập kinh tế đất nước.

Từ khóa: thuế nhập khẩu, chính sách thương mại, chính sách thuế, hội nhập, thương mại quốc tế.

1. Mở đầu

Toàn cầu hóa và hội nhập kinh tế quốc tế là xu hướng phát triển của nền kinh tế thế giới hiện nay, bất luận nền kinh tế đó có quy mô và trình độ phát triển như thế nào. Xu thế này mở ra cơ hội hợp tác và thúc đẩy phát triển kinh tế nhưng cũng gắn liền với thách thức về cạnh tranh, về thể chế và chính sách (Balassa, 1961). Gắn liền với sự phát triển của thương mại quốc tế, chính sách thương mại quốc tế là những biện pháp Chính phủ một quốc gia áp dụng nhằm điều chỉnh hoạt động thương mại của quốc gia mình với quốc gia khác thông qua công cụ thuế quan và phi thuế quan.

Trong hoạt động kinh doanh thương mại quốc tế, các quốc gia thường dùng các công cụ quản lý như hạn ngạch, tỷ giá, giấy phép, thuế quan... Tại Việt Nam, công cụ thuế quan, đặc biệt là thuế nhập khẩu được sử dụng phổ biến nhất bởi nó là cơ sở trong trao đổi buôn bán và là nguồn thu quan trọng của ngân sách quốc gia. Thuế xuất nhập khẩu đã được Chính phủ Việt Nam ban hành thành luật năm 1987 với tên gọi Luật thuế xuất nhập khẩu hàng mậu dịch. Sau nhiều lần sửa đổi và bổ sung, luật thuế xuất nhập khẩu năm 2016 được Quốc hội Việt Nam thông qua Luật thuế số 107/2016/QH13 ngày 06/04/2016.

Tuy nhiên, trong quá trình thực hiện, chính sách thuế xuất nhập khẩu nói chung và chính

sách thuế nhập khẩu nói riêng vẫn còn nhiều hạn chế và có những điểm chưa phù hợp với tình hình thực tế trong nước. Trong bối cảnh các quốc gia đang tham gia ngày càng mạnh mẽ vào quá trình hội nhập kinh tế quốc tế, chính sách thuế nhập khẩu không đơn thuần chỉ là ý chí chủ quan của mỗi quốc gia. Các chính sách này khi đó cần được điều chỉnh và hoàn thiện sao cho vừa phù hợp với tiềm lực kinh tế đất nước, vừa tuân thủ những nguyên tắc và quy định đã ký kết trong các hiệp định với các quốc gia, các thể chế khu vực và thế giới (Krugman và các cộng sự, 2014).

Đối với các quốc gia, đặc biệt là các quốc gia đang phát triển, trong đó có Việt Nam, tiềm lực còn chưa đủ mạnh, chỉ mới tham gia vào khu vực sân chơi quốc tế rộng lớn này và vẫn còn mắc phải những hạn chế và sai sót nhất định, việc học hỏi kinh nghiệm từ các quốc gia khác để ngày càng hoàn thiện nhận thức về giải quyết mối quan hệ giữa tự do hóa thương mại và sự phù hợp với các luật lệ, thông lệ quốc tế là nhiệm vụ quan trọng cần làm trước tiên. Trên cơ sở thuế nhập khẩu là công cụ quan trọng trong kiểm soát hoạt động ngoại thương, bảo vệ nền sản xuất trong bối cảnh Việt Nam ngày càng hội nhập sâu, rộng thông qua việc thực hiện các hiệp định thương mại song phương, khu vực và đa phương, trong phạm vi nghiên cứu này, tác giả tập trung nghiên cứu

"Chính sách thuế nhập khẩu của Việt Nam trong điều kiện hội nhập với khu vực và thế giới".

Câu hỏi nghiên cứu của đề tài tập trung vào thực trạng chính sách thuế nhập khẩu của Việt Nam và giải pháp hoàn thiện chính sách thuế nhập khẩu của Việt Nam trong điều kiện hội nhập với khu vực và thế giới. Đề tài hướng đến mục tiêu đánh giá thực trạng chính sách thuế nhập khẩu của Việt Nam; tác động của chính sách thuế nhập khẩu; trên cơ sở phân tích thực trạng, tác giả đề xuất những giải pháp hoàn thiện chính sách thuế nhập khẩu của Việt Nam trong điều kiện hội nhập với khu vực và thế giới.

2. Cơ sở lý luận

Thuế nhập khẩu và tác động của thuế nhập khẩu *Thuế nhập khẩu*

Thuế nhập khẩu là khoản thuế một quốc gia hay vùng lãnh thổ đánh vào hàng hóa, dịch vụ có nguồn gốc từ nước ngoài trong quá trình nhập khẩu (Gandolfo, 2014). Khi phương tiện vận tải đến cửa khẩu biên giới, cán bộ hải quan sẽ tiến hành kiểm tra hàng hóa căn cứ vào tờ khai hải quan và tiến hành tính số thuế nhập khẩu phải thu theo các công thức tính thuế nhập khẩu đã quy định trước (Đỗ Đức Bình và Nguyễn Thường Lạng, 2013).

Thông thường, thuế nhập khẩu được Chính phủ giao cho một tổ chức thuộc Chính phủ (hải quan) chuyên trách về việc kiểm tra, tính toán và thu thuế. Theo nguyên tắc, thuế nhập khẩu phải được nộp trước khi thông quan để người nhập khẩu có thể đưa mặt hàng nhập khẩu vào lưu thông trong nội địa, trừ khi có các chính sách ân hạn thuế hay có bảo lãnh nộp thuế. Đây là một trong những loại thuế để thu nhất và chi phí để thu thường khá nhỏ (Bretschger Lucas, Steger Thomas, 2004).

Như vậy, thuế nhập khẩu là một khoản tiền mà người chủ hàng hóa nhập khẩu phải nộp cho hải quan (cơ quan đại diện cho nước chủ nhà), kết quả của thuế nhập khẩu là làm tăng chi phí của việc đưa hàng hóa đến một quốc gia. Thuế nhập khẩu có thể được tính theo giá trị hoặc theo số lượng đơn vị hàng hóa nhập khẩu. Đối với một số lượng nhỏ hàng hóa buôn bán trên thế giới, người ta áp dụng thuế nhập khẩu hỗn hợp bằng cách kết hợp hai cách tính thuế nói trên. Thuế nhập khẩu là một công cụ chính sách của Chính phủ được sử dụng nhằm đạt được những mục tiêu nhất định trong quá trình tổ chức quản lý nền kinh tế quốc gia (Haberler Gottfried von, 1936).

Thuế nhập khẩu có vai trò vô cùng quan trọng đối với nền kinh tế của một quốc gia, chính vì vậy những tác động của nó có ảnh hưởng mạnh mẽ đến không chỉ Chính phủ, nhà sản xuất, người tiêu

dùng mà còn cả đời sống xã hội của một quốc gia. Trong nghiên cứu này, tác giả sẽ tập trung vào nghiên cứu tác động của thuế nhập khẩu ở cả hai phương diện tác động tích cực và tiêu cực.

Tác động của thuế nhập khẩu

Theo Ricardo David (1817), thuế nhập khẩu có một số tác động tích cực cũng như tiêu cực đến quốc gia nhập khẩu, cụ thể:

- *Tạo nguồn thu quan trọng cho ngân sách Nhà nước*: nhờ thuế quan, Nhà nước đã có một nguồn thu quan trọng đóng góp vào quỹ tiền tệ của Nhà nước. Nguồn thu này không chỉ được sử dụng để chi tiêu nhằm duy trì quyền lực của bộ máy Nhà nước mà còn để phục vụ cho các nhu cầu phúc lợi chung và hoạt động kinh tế.

- *Điều chỉnh hàng hóa từ thị trường nước ngoài vào trong nước*: Bất kỳ quốc gia nào hiện nay cũng không thể tự sản xuất để đáp ứng một cách đầy đủ tất cả các nhu cầu trong nước, đặc biệt khi mà đời sống người dân ngày càng nâng cao. Mục tiêu phát triển nền kinh tế quốc dân chủ yếu dựa vào lợi thế so sánh của từng quốc gia. Vì vậy, Chính phủ các nước sẽ phải sử dụng các biện pháp để điều chỉnh hàng hóa từ thị trường nước ngoài vào trong nước sao cho hợp lý.

- *Bảo vệ thị trường nội địa*: với sự tác động nhiều chiều của thuế nhập khẩu đến khả năng cạnh tranh của doanh nghiệp mà các quốc gia hiện nay thường áp dụng thuế suất riêng biệt cho từng loại sản phẩm nhập khẩu khác nhau. Điều này sẽ dẫn đến những thay đổi trong giá cả của các hàng hóa đó, góp phần bảo vệ các sản phẩm nội địa.

- *Làm thiệt hại lợi ích của nhà sản xuất và người tiêu dùng*: thuế nhập khẩu tác động trực tiếp làm tăng giá tiêu dùng trong nước, từ đó hạn chế tiêu dùng của người dân, ảnh hưởng đến lợi ích của nhà sản xuất.

- *Làm cho một số doanh nghiệp sản xuất kém hiệu quả*: thuế nhập khẩu thường chỉ có ý nghĩa khi áp dụng đối với thành phẩm và trong trường hợp doanh nghiệp nội địa có thể cung ứng sản phẩm đó với chất lượng và giá cả tương đương với các doanh nghiệp nước ngoài. Đối với các doanh nghiệp sử dụng đầu vào nhập khẩu, nếu như thuế nhập khẩu cao sẽ làm cho chi phí sản xuất của doanh nghiệp tăng lên, làm giảm năng lực cạnh tranh của doanh nghiệp về giá cả.

- *Về lâu dài thuế quan nhập khẩu gây phản ứng xấu như buôn lậu, tạo thị trường sản xuất kém hiệu quả*. Cụ thể, bảo hộ qua thuế sẽ làm suy giảm năng lực cạnh tranh của doanh nghiệp do các chính sách bảo hộ đã vô tình tạo ra sự ỷ lại, làm mất động lực sáng tạo, đổi mới của các doanh

ng nghiệp trong nước, làm cho hoạt động sản xuất kém hiệu quả.

Chính vì vậy, trong điều kiện hội nhập kinh tế như hiện nay, mức độ sử dụng thuế nhập khẩu như một rào cản, công cụ để bảo hộ doanh nghiệp trong nước nhưng chắc chắn sẽ phải có những chính sách hợp lý để hạn chế những tác động không mong muốn gây ra cho nền kinh tế. Bên cạnh đó, thuế nhập khẩu cao cũng sẽ kích thích tệ nạn buôn lậu. Thuế nhập khẩu càng cao, buôn lậu càng phát triển, gây ra những ảnh hưởng không tốt cho kinh tế và thu ngân sách Nhà nước.

Chính sách thuế nhập khẩu trong điều kiện tự do thương mại quốc tế

Nhìn chung, trong điều kiện tự do thương mại quốc tế, chính sách thuế nhập khẩu của các quốc gia đều có tác động nói lỏng sự hạn chế thương mại thông qua việc từng bước giảm dần các mức thuế trên cơ sở các hiệp định đa phương, song phương trong khu vực và trên thế giới. Điển hình cho các thỏa thuận ở phạm vi khu vực là: EU, NAFTA, AFTA... và toàn cầu là WTO. Thương lượng trong việc xây dựng biểu thuế nhập khẩu là một đặc trưng cơ bản của chính sách thuế nhập khẩu trong những năm gần đây.

Một đặc trưng cơ bản trong tự do thương mại quốc tế chính là sự hình thành các liên minh thuế quan, điều này đã có những ảnh hưởng nhất định đến chính sách thuế nhập khẩu của các quốc gia cũng như lượng hàng hóa được trao đổi giữa các quốc gia thuộc liên minh và các quốc gia ngoài liên minh. Nhờ có chính sách này mà khối lượng thương mại giữa các quốc gia thuộc liên minh đã tăng đáng kể, tuy nhiên nó cũng tạo ra một hàng rào ngăn cản hàng hóa của các quốc gia ngoài liên minh. Các liên minh thuế quan chủ yếu được hình thành trong phạm vi khu vực nhằm tự do hóa thương mại giữa các nước trong khu vực và bảo hộ thị trường khu vực trước sự cạnh tranh của hàng hóa đến từ bên ngoài (WTO, 2014). Một lợi ích nữa của liên minh thuế quan trong trường hợp tự do hóa thương mại là nó giúp mỗi quốc gia tận dụng triệt để những nguồn lực có thể mạnh, loại bỏ những ngành sản xuất không hiệu quả, bên cạnh đó người tiêu dùng cũng sẽ được sử dụng những sản phẩm rẻ hơn và chất lượng đảm bảo hơn.

Những nội dung chính về thuế nhập khẩu trong các thỏa thuận liên minh bao gồm 2 vấn đề:

- Ràng buộc về thuế nhập khẩu: các nước đều được khuyến khích loại bỏ bảo hộ sản xuất trong nước bằng cách giảm thuế nhập khẩu trong đàm phán thương mại.

- Bảo hộ các ngành sản xuất trong nước thông qua thuế nhập khẩu: mặc dù các liên minh được

thành lập để thúc đẩy tự do hóa thương mại, tuy nhiên các nước thành viên có thể vẫn phải bảo vệ sản xuất trong nước chống lại cạnh tranh nước ngoài. Bảo vệ sản xuất trong nước trước sự cạnh tranh không lành mạnh bằng việc áp dụng thuế chống bán phá giá, thuế chống trợ cấp và thuế chống phân biệt đối xử. Kết quả của việc áp dụng các biện pháp này là một hàng rào thuế, hạn ngạch bổ sung cho mức thuế nhập khẩu hiện hành. Các nước Thành viên của WTO đều nhìn nhận rằng các biện pháp phòng vệ thương mại chính là trụ cột cuối cùng để đảm bảo thương mại công bằng và bảo vệ ngành sản xuất trong nước trước những tác động tiêu cực gây ra bởi hàng hóa nhập khẩu (WTO, 2014).

Như vậy, có thể thấy, trong quá trình hội nhập, việc xóa bỏ hàng rào thuế nhập khẩu là tất yếu khách quan do sự ràng buộc mà các quốc gia đã cam kết với nhau trong một định chế thúc đẩy tự do hóa thương mại quốc tế. Nguyên nhân để các quốc gia cam kết và thực hiện là những lợi ích mà tự do thương mại mang lại lớn hơn những bất lợi mà nó gây ra cho các quốc gia. Mặc dù tự do hóa thương mại mang lại rất nhiều lợi ích cho các quốc gia ở những mức độ khác nhau, tuy nhiên bất kỳ quốc gia nào cũng luôn muốn bảo hộ nền sản xuất của mình trước sự cạnh tranh của hàng hóa nhập khẩu.

3. Phương pháp nghiên cứu

Trên cơ sở phương pháp tiếp cận nghiên cứu tổng hợp, việc thu thập các thông tin phục vụ cho đề tài nghiên cứu được tác giả tìm kiếm từ các tài liệu như sách, báo, các công trình nghiên cứu trong và ngoài nước và thông tin từ các hội thảo, chuyên đề nghiên cứu đánh giá của các tổ chức, chuyên gia về chính sách thuế nhập khẩu của Việt Nam. Bên cạnh đó, nguồn thông tin thứ cấp cho nghiên cứu này cũng được thu thập từ dữ liệu được công bố bởi Tổng cục Thống kê Việt Nam, Tổng cục Hải quan...

Để củng cố thêm dữ liệu phục vụ đề tài nghiên cứu, tác giả thực hiện phỏng vấn nhanh một số chủ doanh nghiệp và các chuyên gia trong lĩnh vực nhập khẩu tại Việt Nam. Kết quả phỏng vấn sẽ là nguồn dữ liệu sơ cấp quan trọng cho thấy thực trạng các chính sách thuế nhập khẩu của Việt Nam hiện nay. Mục tiêu phỏng vấn đề tài hướng đến nhằm thu thập ý kiến đánh giá về các chính sách thuế nhập khẩu của Việt Nam hiện nay, tạo tiền đề để xuất một số giải pháp hoàn thiện chính sách thuế nhập khẩu của Việt Nam trong điều kiện hội nhập khu vực và thế giới. Căn cứ vào mục tiêu trên, nội dung các cuộc phỏng vấn chủ yếu xoay quanh các vấn đề sau: (1) đánh giá các chính sách thuế nhập khẩu hiện nay, (2) tác động của

các chính sách thuế nhập khẩu của Việt Nam đến toàn bộ nền kinh tế nói chung và hoạt động nhập khẩu của doanh nghiệp nói riêng, (3) những thành tựu và hạn chế của chính sách thuế nhập khẩu hiện nay, (4) định hướng xây dựng chính sách thuế nhập khẩu của Việt Nam trong thời gian tới.

Trên cơ sở kết quả nghiên cứu và phỏng vấn, tác giả tổng hợp, xử lý và phân loại các dữ liệu theo các nội dung cụ thể liên quan đến chính sách thuế nhập khẩu để tạo thuận lợi cho quá trình nghiên cứu và vận dụng dữ liệu khai thác được.

4. Kết quả nghiên cứu

Các cam kết về cắt giảm thuế nhập khẩu của Việt Nam theo WTO và các hiệp định FTA

Theo các chuyên gia trong lĩnh vực nhập khẩu của Việt Nam, trong bối cảnh phát triển kinh tế như hiện nay, việc tham gia hội nhập kinh tế quốc tế nói chung và các hiệp định FTA song phương và đa phương nói riêng vừa đem lại cơ hội vừa chứa đựng những thách thức đối với các nước tham gia. Đối với Việt Nam, trong những năm qua, chính sách mở cửa hội nhập và tích cực tham gia vào các hiệp định FTA đã góp phần quan trọng vào công cuộc cải cách, đổi mới, qua đó thúc đẩy phát triển kinh tế đất nước. Việc gia nhập WTO và ký kết các hiệp định FTA đã có những tác động đáng kể đến chính sách thuế quan nói chung và chính sách thuế nhập khẩu của Việt Nam nói riêng thông qua các cam kết về cắt giảm thuế nhập khẩu nhằm thúc đẩy thương mại quốc tế. Cụ thể, thuế xuất và lộ trình cắt giảm thuế đối với hàng hóa Việt Nam khi gia nhập WTO và ký kết các hiệp định FTA như sau:

- **Các cam kết trong khuôn khổ WTO:** Việt Nam cam kết ràng buộc với toàn bộ Biểu thuế nhập khẩu hiện hành gồm 10.600 dòng thuế. Thuế suất cam kết cuối cùng có mức bình quân giảm đi 23% so với mức thuế bình quân hiện hành (thuế suất MFN) của Biểu thuế từ 17,4% năm 2006 xuống còn 13,4%. Thời gian thực hiện sau 5- 7 năm. Việt Nam cũng cam kết cắt giảm thuế với khoảng 3.800 dòng thuế (chiếm 35,5% số dòng của Biểu thuế). Một số mặt hàng có cam kết cắt giảm thuế nhiều như: dệt may, cá và sản phẩm cá, gỗ và giấy, hàng chế tạo khác, máy móc thiết bị điện - điện tử...

- **Cam kết thuế quan của Việt Nam trong các FTA khu vực:** khoảng 90% số dòng thuế (tính theo dòng thuế của kim ngạch nhập khẩu) với khung thời gian thực hiện cắt giảm xuống 0% trong vòng 10 năm, một số ít tỷ lệ dòng thuế được phép linh hoạt trong khoảng thời gian kéo dài thêm 2 - 6 năm. Trong đó, mức độ tự do hóa trong cam kết AFTA/CEPT/ATIGA cao nhất (99 dòng thuế 8 số), thấp nhất là trong cam kết AIFTA/AITIG (80

dòng thuế 6 số) và trong cam kết AJCEP (88,6% dòng thuế 10 số).

- **Về lộ trình cắt giảm thuế:** Với AFTA, ACFTA và AKFTA việc giảm thuế sẽ được thực hiện theo lộ trình quy định cho các bước giảm thuế hàng năm (AFTA: 1996 - 2006 - 2015 - 2018, AKFTA: 2007 - 2016 - 2018). Mô hình giảm thuế đối với các FTA còn lại (AJCEP, AIFTA, AANZFTA, VJEPA) sẽ cắt giảm dần đều từng năm để đạt mức thuế suất cuối cùng theo cam kết. (AJCEP: 2008 - 2018 - 2024, VJEPA: 2009 - 2019 - 2015, AANZFTA: 2010 - 2018 - 2020, và AIFTA: 2010 - 2018 - 2021).

- **Cam kết thuế quan của Việt Nam trong FTA Việt Nam - Chi Lê:** Việt Nam cam kết xóa bỏ thuế quan đối với 87,8% số dòng thuế trong biểu thuế nhập khẩu hiện hành (chiếm 91,22% kim ngạch nhập khẩu từ Chi Lê sang Việt Nam năm 2007) trong vòng 15 năm. Trong 12,2% số dòng thuế còn lại có 4,08% số dòng thuế thuộc danh mục loại trừ (không tham gia giảm, xóa bỏ thuế), 3,37% số dòng thuế được giữ nguyên thuế suất cơ sở và 4,75% số dòng thuế được giảm thuế một phần.

Trong khuôn khổ hiệp định Thương mại Hàng hoá ASEAN (ATIGA) của AEC: Điều 19 quy định về Cắt giảm hoặc xóa bỏ thuế quan như sau:

(1) Trừ khi được quy định khác đi trong Hiệp định này, các Quốc gia Thành viên sẽ xóa bỏ thuế quan đối với tất cả các sản phẩm trong quan hệ thương mại giữa các Quốc gia Thành viên vào năm 2010 đối với ASEAN - 6 (Brunei Darussalam, Indonesia, Malaysia, Philippines, Singapore và Thái Lan) và vào năm 2015, với lĩnh vực tới năm 2018 cho các nước CLMV (Campuchia, Lào, Myanmar và Việt Nam).

(2) Mỗi Quốc gia thành viên sẽ cắt giảm và/hoặc loại bỏ thuế quan đối với hàng hóa xuất xứ của các Quốc gia Thành viên khác theo các mô hình sau đây:

- Thuế nhập khẩu đối với các sản phẩm trong Lộ trình A trong biểu tự do hóa thuế quan của từng Quốc gia Thành viên sẽ được loại bỏ vào năm 2010 đối với các nước ASEAN - 6 và 2015 đối với CLMV theo lộ trình cam kết trong đó. Lộ trình A của từng Quốc gia Thành viên sẽ đảm bảo đáp ứng các điều kiện sau:

+ Đối với Lào, Myanmar và Việt Nam, thuế nhập khẩu đối với tất cả các sản phẩm bằng hoặc thấp hơn năm phần trăm (5%) từ ngày 1/1/2009;

+ Thuế nhập khẩu của một số sản phẩm của CLMV, không vượt quá 7% số dòng thuế sẽ xóa bỏ vào năm 2018. Danh mục các sản phẩm và lộ trình giảm thuế của các sản phẩm này sẽ được các nước CLMV xác định không muộn hơn ngày 1/1/2014.

- Thuế nhập khẩu của các sản phẩm ICT trong Lộ trình B của từng nước CLMV sẽ được xóa bỏ theo ba giai đoạn là 2008, 2009 và 2010 phù hợp với lộ trình quy định trong đó;

+ Thuế nhập khẩu của các sản phẩm PIS trong Lộ trình C của từng nước CLMV sẽ xóa bỏ vào năm 2012 phù hợp với lộ trình quy định trong đó;

+ Thuế nhập khẩu với các sản phẩm nông nghiệp chưa chế biến trong Lộ trình D của từng Quốc gia Thành viên sẽ được cắt giảm hoặc xóa bỏ xuống mức 0 tới 5% vào năm 2010 đối với ASEAN - 6; 2013 đối với Việt Nam; 2015 đối với Lào và Myanmar; và 2017 đối với Campuchia, phù hợp với lộ trình giảm thuế quy định trong đó. Mặc dù vậy, thuế nhập khẩu đối với sản phẩm đường của Việt Nam sẽ giảm xuống 0-5% vào năm 2010;

- Các sản phẩm nông nghiệp chưa chế biến trong Lộ trình E của từng Quốc gia Thành viên sẽ có thuế nhập khẩu MFN áp dụng giảm xuống 20% vào năm 2010 phù hợp với lộ trình quy định trong đó;

- Các sản phẩm trong Lộ trình F của Thái Lan và Việt Nam, lần lượt sẽ có mức thuế suất ngoài hạn ngạch cắt giảm theo lộ trình giảm thuế phù hợp với phân loại của các sản phẩm;

- Thuế nhập khẩu đối với sản phẩm xăng dầu trong Lộ trình G của Campuchia và Việt Nam lần lượt sẽ được giảm xuống phù hợp với lộ trình được tất cả các Quốc gia Thành viên đồng ý và quy định trong đó;

- Các sản phẩm trong Lộ trình H của từng Quốc gia Thành viên sẽ không phải cắt giảm hoặc xóa bỏ thuế với những lý do nêu trong Điều 8 (Ngoại lệ chung);

- Cắt giảm và xóa bỏ thuế nhập khẩu sẽ thực hiện bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 hàng năm;

- Thuế suất cơ sở để cắt giảm hoặc xóa bỏ thuế nhập khẩu sẽ là mức Thuế quan Ưu đãi có Hiệu lực chung (CEPT) vào thời điểm có hiệu lực của Hiệp định này (Hiệp định Thương mại hàng hóa ASEAN (ATIGA), Cha-am, Thái Lan, ngày 26 tháng 2 năm 2009). Để thực hiện Hiệp định Thương mại hàng hóa ASEAN (ATIGA) giai đoạn 2015 - 2018, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 165/2014/TT-BTC ngày 14/11/2014.

Cam kết về thuế Nhập khẩu của các nước dành cho Việt Nam trong TPP: theo thông tin đăng tải của Phòng Thương mại và Công nghiệp Việt Nam. Các nước cam kết xóa bỏ thuế nhập khẩu dành cho hàng hóa của Việt Nam ngay khi Hiệp định có hiệu lực khoảng từ 78 - 95% số dòng thuế và xóa bỏ hoàn toàn từ 97 - 100% dòng thuế. Các mặt hàng còn lại sẽ có lộ trình xóa bỏ thuế trong vòng 5 - 10 năm, trừ một số mặt hàng nhạy cảm

có lộ trình trên 10 năm hoặc áp dụng biện pháp hạn ngạch thuế quan.

Thực trạng chính sách thuế nhập khẩu của Việt Nam trong bối cảnh tự do thương mại quốc tế

Theo kết quả phỏng vấn các chuyên gia, nhìn chung trong thời gian qua, Việt Nam đã có những thành công đáng ghi nhận trong việc tham gia đàm phán và cải cách chính sách thuế nhập khẩu đáp ứng hội nhập quốc tế. Chính sách thuế của Việt Nam đã có những thay đổi tích cực trong thời gian theo các cam kết về hội nhập với các quốc gia khác, các tổ chức trong khu vực và trên thế giới.

Các chuyên gia cho rằng thuế nhập khẩu của Việt Nam đang thay đổi theo hướng phù hợp với các cam kết quốc tế mà Việt Nam tham gia. Hiện tại, các văn bản về hệ thống thuế của Việt Nam cho thấy biểu thuế hàng hóa nhập khẩu của Việt Nam đã có 3 lần sửa đổi ở các năm 1996, 1998 và 2003. Cụ thể, biểu thuế của Việt Nam ngày càng phù hợp hơn với hệ thống phân loại hàng hóa và mã số của Tổ chức hải quan thế giới và Hệ thống biểu thuế hài hòa trong ASEAN (AHTN). Hiện nay, biểu thuế nhập khẩu phân nhóm chi tiết đến mã hàng hóa HS 6 số (dựa trên danh mục HS 2002 của Tổ chức hải quan thế giới) và HS 8 số trong cả khối ASEAN.

Năm 1988, Luật thuế xuất nhập khẩu được ban hành. Năm 1989, Việt Nam thực hiện giảm số mặt hàng tính thuế nhập khẩu từ 124 xuống 80 với biên tính thuế tăng từ 5-50% đến 5-120%. Năm 1992, hệ thống thuế quan hài hòa bắt đầu được áp dụng. Năm 1993, Việt Nam bổ sung thuế nhập khẩu đối với hàng hóa đi đường. Năm 1994, Bộ Thương mại đảm nhận trọng trách để xuất chính sách thuế xuất nhập khẩu thay Bộ Tài chính.

Năm 1996, Việt Nam công bố danh mục CEPT 1997 và giảm thuế ô tô nhập khẩu. Năm 1998, Việt Nam bãi bỏ áp dụng tính giá nhập khẩu tối thiểu. Quốc hội thực hiện sửa đổi Luật thuế xuất nhập khẩu vào tháng 5 năm 1998 và theo đó kể từ ngày 1 tháng 1 năm 1999, thuế nhập khẩu của Việt Nam bao gồm 3 mức là mức thông thường, mức tối huệ quốc và mức ưu đãi đặc biệt.

Năm 2002, Việt Nam áp dụng tính thuế nhập khẩu theo hợp đồng ngoại thương, ban hành danh mục hàng hóa và thuế suất nhập khẩu để thực hiện lộ trình giảm thuế nhập khẩu theo Hiệp định hàng dệt may ký giữa Việt Nam và EU giai đoạn 2002 - 2005; đồng thời ban hành mức giá tính thuế đối với hàng nhập khẩu không thuộc danh mục mặt hàng Nhà nước quản lý giá tính thuế, không đủ điều kiện áp giá theo giá ghi trên hợp đồng và ban hành Nghị định về giá trị tính thuế nhập khẩu theo GATT.

Năm 2003, Việt Nam ban hành danh mục hàng hóa và thuế suất để thực hiện CEPT giai đoạn 2003 - 2006; bãi bỏ áp dụng giá tính thuế nhập khẩu tối thiểu đối với mặt hàng rượu và đồ uống có cồn, có nguồn gốc từ EU; ban hành biểu thuế ưu đãi thay cho biểu 1998 với xe ô tô đã qua sử dụng và bộ linh kiện ô tô, xăng dầu; ban hành danh mục hàng hóa và thuế suất thuế nhập khẩu để thực hiện lộ trình giảm thuế nhập khẩu theo Hiệp định buôn bán hàng dệt, may ký giữa Việt Nam và EU cho giai đoạn 2003 - 2005.

Năm 2004, Việt Nam ban hành danh mục hàng hóa và thuế suất thuế nhập khẩu để thực hiện lộ trình giảm thuế nhập khẩu theo Hiệp định về thương mại hàng dệt, may ký giữa Việt Nam và Hoa Kỳ cho giai đoạn 2003 - 2005; ban hành danh mục hàng hóa và thuế suất nhập khẩu của Việt Nam để thực hiện Chương trình thu hoạch sớm EHP theo Hiệp định khung về hợp tác kinh tế toàn diện ASEAN - Trung Quốc; sửa đổi thuế suất nhập khẩu một số mặt hàng trong danh mục CEPT 2003 - 2006.

Năm 2005, Việt Nam thực hiện điều chỉnh thuế suất thuế nhập khẩu ưu đãi với một số mặt hàng linh kiện, phụ tùng điện tử; bãi bỏ thuế suất nhập khẩu để áp dụng hạn ngạch với 6 mã hàng; giảm thuế suất thuế nhập khẩu một số mặt hàng để thực hiện thỏa thuận giữa Việt Nam và Thái Lan liên quan đến việc Việt Nam hoàn thực hiện hiệp định CEPT đối với một số mặt hàng phụ tùng, linh kiện xe máy và xe ô tô tải nguyên chiếc; sửa đổi, bổ sung Danh mục hàng hóa và thuế suất thuế nhập khẩu của Việt Nam để thực hiện CEPT của các nước ASEAN cho các năm 2005 - 2013; ban hành quy trình xét miễn thuế nhập khẩu, giảm thuế, hoàn thuế, không thu thuế đối với hàng hóa nhập khẩu.

Năm 2006, Việt Nam thực hiện điều chỉnh thuế suất thuế nhập khẩu ưu đãi đối với hàng linh kiện, phụ tùng điện tử và ô tô; cho phép nhập khẩu ô tô cũ kể từ ngày 1 tháng 5 và ban hành mức thuế tuyệt đối đối với việc nhập khẩu ô tô cũ. Từ năm 2007 đến nay, kể từ khi Việt Nam gia nhập WTO, do phải thực hiện cam kết cắt giảm thuế nhập khẩu theo lộ trình hội nhập, tỷ lệ thu từ thuế nhập khẩu trong tổng thu thuế giảm từ 8,2% xuống còn 5,5%. Một số văn bản mới hiện đang còn hiệu lực cho điều chỉnh thuế nhập khẩu như: Luật thuế xuất nhập khẩu 2005, Nghị định số 149/2005/NĐ-CP ngày 06/12/2005 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Luật thuế xuất nhập khẩu; Nghị định số 87/2010/NĐ-CP ngày 13/8/2010 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật thuế xuất nhập khẩu.

Theo ý kiến của các chuyên gia, đến nay, luật thuế nhập khẩu ngày càng có phạm vi điều chỉnh thích hợp hơn và vẫn là nguồn thu ngân sách quan trọng của chính phủ Việt Nam. Khi Việt Nam tham gia ngày càng sâu hơn vào quá trình tự do hóa thương mại, các biện pháp bảo hộ sẽ bị cắt giảm trong thời gian kéo dài từ 5 - 7 năm sau khi gia nhập WTO và 10 - 12 năm theo các cam kết trong các hiệp định tự do hóa thương mại (FTA). Điều này sẽ ảnh hưởng đáng kể tới tình hình sản xuất trong nước nếu không có những biện pháp điều chỉnh. Bên cạnh đó, việc giảm thuế nhập khẩu theo cam kết sẽ làm giảm nguồn thu từ hải quan. Tuy nhiên, mức giảm thu từ thuế nhập khẩu có thể được bù trừ một phần bởi số tăng thu từ thuế giá trị gia tăng và thuế tiêu thụ đặc biệt đối với hàng hóa nhập khẩu. Bên cạnh đó, tự do hóa thương mại đồng nghĩa với việc giảm hàng rào thuế quan đã làm cho hàng hóa các nước có cơ hội tham gia vào thị trường Việt Nam với mức giá cạnh tranh và người tiêu dùng sẽ có cơ hội lựa chọn hàng hóa tốt với mức giá rẻ.

Như vậy, trong bối cảnh kinh tế thế giới phát triển theo xu hướng tự do hóa và hội nhập, pháp luật của Việt Nam về thuế quan nói chung và thuế nhập khẩu nói riêng đang có nhiều cải cách và thay đổi theo từng thời kỳ. Điều này làm cho thuế quan của Việt Nam ngày càng hội nhập với các quốc gia khác trong khu vực và trên toàn thế giới.

Chính sách thuế nhập khẩu về đầu tư nước ngoài

Các chuyên gia kinh tế cho rằng đầu tư nước ngoài (ĐTNN) là giải pháp hữu hiệu góp phần đưa Việt Nam ra khỏi tình thế khó khăn trong những năm qua. Đầu tư nước ngoài mang lại nguồn vốn to lớn cho phát triển kinh tế của toàn quốc gia, làm chuyển dịch cơ cấu kinh tế, tăng năng suất lao động, thay đổi công nghệ, tăng kim ngạch xuất nhập khẩu, phát triển nguồn nhân lực...

Hiện nay, Việt Nam đang là điểm đầu tư hấp dẫn của các nước trên thế giới. Trong đó một số tập đoàn lớn như Toyota, Canon, Samsung, Intel, LG, Nokia - Microsoft, ... đã và đang mở rộng đầu tư giúp cho các ngành công nghiệp của Việt Nam vươn ra trên thị trường thế giới. Năm 2015, cả nước có 2.827 dự án với tổng số vốn đăng ký là 22.757 tỷ USD và tổng số vốn thực hiện là 14,5 tỷ USD. Nhập khẩu của khu vực ĐTNN năm 2015 đạt 97,9 tỷ USD, chiếm 59,2% tổng kim ngạch nhập khẩu.

Kết quả phỏng vấn cho thấy trong những năm gần đây, Nhà nước đã có sự quan tâm cần thiết đến chính sách ưu đãi thuế nhập khẩu về đầu tư nước ngoài. Luật thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu số 45/2005/QH11, Luật Đầu tư nước ngoài và các

văn bản hướng dẫn thi hành cụ thể là yếu tố góp phần vào việc gia tăng liên tục đầu tư nước ngoài vào Việt Nam. Cụ thể, các chuyên gia cho rằng các văn bản này quy định một số ưu đãi liên quan đến thuế nhập khẩu như: miễn thuế nhập khẩu đối với hàng hóa nhập khẩu để gia công cho nước ngoài, hay việc miễn thuế nhập khẩu đối với hàng hóa để tạo tài sản cố định đối với các dự án đầu tư vào các lĩnh vực đặc biệt khuyến khích đầu tư, lĩnh vực khuyến khích đầu tư và các dự án đầu tư tại địa bàn có điều kiện kinh tế xã hội khó khăn; địa bàn có điều kiện kinh tế xã hội đặc biệt khó khăn. Miễn thuế nhập khẩu trong thời hạn 05 năm kể từ ngày bắt đầu sản xuất đối với nguyên liệu, vật tư, linh kiện trong nước chưa sản xuất được nhập khẩu để sản xuất của các dự án đầu tư và lĩnh vực đặc biệt khuyến khích đầu tư hoặc địa bàn có điều kiện kinh tế xã hội đặc biệt khó khăn.

Những thành công và tồn tại trong chính sách thuế nhập khẩu của Việt Nam hiện nay

Những thành công trong chính sách thuế nhập khẩu của Việt Nam hiện nay

Theo kết quả phỏng vấn chủ các doanh nghiệp, chính sách thuế nhập khẩu hiện hành đã có nhiều thay đổi căn bản và hoàn thiện hơn trước đây. Biểu thuế nhập khẩu hiện hành được xây dựng trên cơ sở danh mục điều hòa 1996 của Hội đồng hợp tác hải quan thế giới, đã bước đầu tạo thuận lợi cho việc phân loại hàng hóa dựa trên cấu tạo, đặc điểm của hàng hóa... góp phần làm cho chính sách thuế nhập khẩu của Việt Nam dần phù hợp với thông lệ quốc tế.

Các chuyên gia cho rằng thuế suất thuế nhập khẩu hiện nay được thiết kế hợp lý hơn, bao gồm 3 mức là thuế suất ưu đãi, thuế suất thông thường và thuế suất ưu đãi đặc biệt để áp dụng trong các trường hợp khác nhau tùy thuộc vào mức độ quan hệ thương mại giữa Việt Nam với các nước, tạo thuận lợi trong đàm phán về thuế, phù hợp với các quy định quốc tế mà nước ta cam kết thực hiện. Theo tài liệu của Bộ Công Thương, hiện nay Việt Nam đã có thỏa thuận về đối xử ưu đãi đặc biệt trong quan hệ thương mại với một số quốc gia trong khu vực như Brunei, Indonesia, Lào, Malaysia, Singapore, Thái Lan ...

Mức thuế nhập khẩu tối đa có xu hướng giảm, đồng thời, mức độ phân tán giữa các mức thuế giảm dần. Hiện nay, Nhà nước đã có quy định bỏ áp dụng giá tối thiểu đối với tất cả các mặt hàng nhập khẩu của các doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài. Bên cạnh đó, công tác quản lý thực thi chính sách thuế nhập khẩu được hoàn thiện hơn. Các thủ tục hải quan được thực hiện nhanh chóng, công khai, đảm bảo thông thoáng, nhanh

chóng và thuận tiện tạo điều kiện tốt cho hoạt động nhập khẩu.

Theo đánh giá của các chuyên gia, hệ thống chính sách, cơ chế quản lý trong lĩnh vực nhập khẩu hàng hóa, dịch vụ được cải thiện theo hướng ngày càng đơn giản, thông thoáng hơn đã có tác dụng tích cực hướng nhập khẩu phục vụ tốt cho sản xuất và đời sống. Đồng thời, nhiều thị trường nhập khẩu đã được mở ra như thị trường Liên minh châu Âu, Nhật Bản, Hồng Kông, Trung Quốc, Australia, châu Phi và các nước Đông Nam Á. Đến nay Việt Nam đã đặt quan hệ buôn bán với 185 quốc gia (Tổng cục Thống kê, 2015).

Nhìn chung, chính sách thuế nhập khẩu của Việt Nam thời gian qua đã có tác động tích cực trong việc quản lý hoạt động nhập khẩu, mở rộng quan hệ kinh tế đối ngoại, nâng cao hiệu quả hoạt động nhập khẩu, góp phần phát triển, bảo vệ sản xuất trong nước, định hướng tiêu dùng và tạo nguồn thu cho ngân sách Nhà nước.

Những tồn tại trong chính sách thuế nhập khẩu của Việt Nam hiện nay

Mặc dù đã có những nỗ lực đáng kể gần đây nhằm hợp lý hóa chính sách thuế nhập khẩu, tuy nhiên, chính sách thuế nhập khẩu vẫn còn nhiều hạn chế. Theo các chủ doanh nghiệp chuyên nhập khẩu, các văn bản pháp luật quy định về thuế nhập khẩu còn thiếu tính ổn định, rõ ràng làm cho chính sách thuế không minh bạch và doanh nghiệp bị động khi có sự thay đổi về thuế; bên cạnh đó cơ chế phối hợp giữa các cơ quan quản lý Nhà nước với doanh nghiệp nhập khẩu trong quá trình tiến hành hoạt động nhập khẩu vẫn chưa được xác định rõ.

Kết quả phỏng vấn cũng cho thấy quy định mức thuế suất vừa theo phân loại hàng hóa, vừa theo xuất xứ làm cho biểu thuế quá phức tạp và dẫn đến nhiều mức thuế cho cùng một mặt hàng. Thuế nhập khẩu bao gồm nhiều thứ thuế, cả thuế doanh thu và thuế tiêu thụ đặc biệt, thuế giá trị gia tăng làm cho một số mặt hàng có thuế suất rất cao (như rượu, bia, ô tô...).

Các chuyên gia cho rằng việc ban hành biểu thuế với nhiều mức thuế suất cao, thấp căn cứ vào mục đích sử dụng chứ không theo tính chất hàng hóa, vì vậy nhiều mặt hàng có cùng tính chất nhưng mục đích sử dụng khác nhau có cùng suất nhập khẩu chênh lệch khá lớn. Điều này tạo thuận lợi cho nhiều doanh nghiệp thực hiện hành vi gian lận thương mại, trốn thuế bằng cách hạ thấp giá trị hàng nhập khẩu để hạ thấp giá trị tính thuế hay hạ quy cách kê khai để hưởng mức thuế suất thấp hơn.

Các chuyên gia cho rằng quy định thuế suất thuế nhập khẩu cần được xem xét sửa đổi cho phù

hợp với tình hình kinh tế thương mại quốc tế và các cam kết của Việt Nam khi tham gia hội nhập. Bên cạnh đó, quy định trong việc nộp thuế nhập khẩu nguyên liệu, phụ liệu để sản xuất hàng xuất khẩu cũng còn hạn chế và bất hợp lý. Ngoài ra, theo kết quả phỏng vấn, việc thực hiện thuế nhập khẩu tiểu ngạch biên giới còn bất hợp lý. Thuế nhập khẩu đánh vào hàng nguyên liệu đầu vào đã làm tăng giá cả hàng sản xuất và xuất khẩu trong nước, làm giảm khả năng cạnh tranh hàng hóa của Việt Nam trên thị trường quốc tế, là một lực cản kim hãm xuất khẩu của các doanh nghiệp trong nước.

Kết quả phỏng vấn đã chỉ ra một số nguyên nhân chính của những tồn tại trong chính sách thuế nhập khẩu của Việt Nam hiện nay. Cụ thể, nguyên nhân chính của những tồn tại hiện nay xuất phát từ những hạn chế của pháp luật về thuế nhập khẩu của Chính phủ Việt Nam. Chính sách thuế nhập khẩu vẫn chưa bao quát hết các đối tượng chịu thuế, đối tượng nộp thuế và các nguồn thu đang và sẽ phát sinh trong quá trình phát triển kinh tế và hội nhập kinh tế. Ngoài ra, chính sách thuế nhập khẩu còn lồng ghép với nhiều chính sách xã hội, làm cho nội dung chính sách phức tạp, làm giảm hiệu lực khuyến khích của thuế trong chuyển dịch cơ cấu kinh tế. Bên cạnh đó, các quy trình, thủ tục về kê khai, nộp thuế và quản lý thuế nhập khẩu vẫn còn khá phức tạp và chưa đảm bảo tính minh bạch, công khai, gây khó khăn cho đối tượng nộp và cơ quan quản lý thu thuế nhập khẩu.

5. Giải pháp

Trên cơ sở nghiên cứu thực trạng chính sách thuế nhập khẩu của Việt Nam, tác giả đề xuất một số giải pháp hoàn thiện chính sách thuế nhập khẩu của Việt Nam trong điều kiện hội nhập với khu vực và thế giới, cụ thể:

- Hoàn thiện chính sách thuế nhập khẩu trong điều kiện hội nhập với khu vực và thế giới, chống lại thủ đoạn cạnh tranh không lành mạnh của các quốc gia khác. Để tăng cường công cụ pháp lý bảo hộ sản xuất trong nước phù hợp với thông lệ quốc tế trong điều kiện tự do hóa thương mại hiện nay, thuế nhập khẩu cần được bổ sung những quy định về các mức thuế suất tạm thời áp dụng trong trường hợp các quốc gia khác cạnh tranh không lành mạnh. Bên cạnh đó, các chính sách thuế nhập khẩu cần được thay đổi phù hợp với các cam kết trong các hiệp định FTA của Việt Nam trên cơ sở khuyến khích tự do thương mại quốc tế và bảo hộ nền sản xuất trong nước.

- Tuyên truyền, phổ biến, công khai, minh bạch quy trình và thủ tục hành chính liên quan đến thuế

nhập khẩu: tính minh bạch của các quy định về thuế nhập khẩu để cập đến độ rõ ràng của về thuế nhập khẩu và việc quản lý thuế nhập khẩu; nói lên trách nhiệm của các cơ quan thuế trong việc đưa ra lời giải trình về các hành động của họ cho các đối tượng có liên quan, như công chúng và giới truyền thông. Vì vậy, để minh bạch chính sách thuế nhập khẩu, việc tuyên truyền, phổ biến, công khai, minh bạch quy trình, thủ tục hành chính về thuế nhập khẩu cần được ngành Thuế thực hiện thường xuyên. Hay các cơ quan thuế như Tổng cục thuế phải cải tiến trang web của mình để người nộp thuế dễ dàng tiếp cận nhiều loại thông tin và thuận tiện cho họ khi gửi khiếu nại. Hơn nữa, quy trình thiết kế luật thuế nhập khẩu phải trung thành với một nguyên tắc cơ bản để các bên liên quan có thể kiểm tra được tính nhất quán của các luật thuế nhập khẩu. Bên cạnh đó, các cơ quan thanh tra thuế, hay hải quan cần nâng cao trách nhiệm trong việc thẩm tra các hoạt động kinh doanh phi pháp, đấu tranh chống buôn lậu, gian lận thương mại, thao túng thị trường và cạnh tranh bất chính; phát hiện và xử lý nghiêm khắc cán bộ thuế, người nộp thuế khi vi phạm pháp luật.

- Hoàn thiện hệ thống văn bản pháp lý liên quan đến thuế nhập khẩu: xây dựng văn bản quy phạm pháp luật để nội luật hóa các điều ước quốc tế, thực hiện cam kết quốc tế của Việt Nam về thuế nhập khẩu. Trong dài hạn cần làm hài hòa cơ sở hệ thống thuế như các chính sách khuyến khích thuế nhập khẩu, các hệ thống thuế giá trị gia tăng và thuế tiêu thụ đặc biệt... Việt Nam và các nước ASEAN cần thực thi một cách nhất quán và hiệu quả các cam kết giao thương quốc tế.

- Nâng cao năng lực đội ngũ cán bộ quản lý, hoàn thiện hệ thống cơ quan Nhà nước tham gia quản lý, điều hành hoạt động về thuế nhập khẩu: tuyển dụng nhân tài, đào tạo, nâng cao trình độ quản lý, trình độ chuyên môn cho cán bộ hoạt động trong lĩnh vực thuế nhập khẩu. Việt Nam cần áp dụng công nghệ thông tin vào các hoạt động thuế quan như khai thuế, đóng thuế và tìm hiểu thông tin về thuế. Các cơ quan thuế cần hợp lý hóa hơn nữa các thủ tục và rút ngắn thời gian cần thiết ở tất cả các khâu; thời gian cho doanh nghiệp hoàn tất thủ tục đóng thuế ít nhất bằng trung bình của nhóm ASEAN-6 (171 giờ/năm). Điển hình như hình thức "thương mại không giấy tờ" cho phép các nhà nhập khẩu có thể nhận được giấy phép trong vòng 3 phút.

- Gia tăng mối liên kết giữa các cục thuế và cơ quan khác để bảo đảm tuân thủ luật thuế nhập khẩu của doanh nghiệp. Hiện nay doanh nghiệp

nộp thuế nhập khẩu luôn tìm nhiều lỗ hổng trong hệ thống thuế để tránh né nghĩa vụ thuế. Vì vậy, hợp tác giữa các bên liên quan trong hệ thống thuế không những làm giảm những cơ hội bất tuân thủ luật mà còn làm tăng hiệu quả quản lý thuế nhập khẩu. Để nâng cao ý thức pháp luật cho doanh nghiệp kinh doanh nhập khẩu, các cơ quan hữu quan cần thường xuyên cập nhật thông tin cho doanh nghiệp về chính sách, pháp luật, tăng cường các biện pháp quản lý chặt chẽ đối với hoạt động nhập khẩu.

- Tiếp tục sửa đổi và hoàn thiện chính sách ưu đãi thuế nhập khẩu đối với hoạt động đầu tư nước ngoài để thu hút nguồn đầu tư từ các nước khác phục vụ cho phát triển kinh tế - xã hội Việt Nam.

6. Kết luận

Để đáp ứng những cam kết về thuế khi hội nhập kinh tế quốc tế, Việt Nam phải có chính sách đổi mới căn bản và toàn diện hệ thống thuế hiện hành. Trong đó, cần thiết phải thay đổi đó là thuế nhập khẩu bởi đây là sắc thuế chịu ảnh hưởng nhiều nhất khi hội nhập kinh tế quốc tế như việc cắt giảm thuế suất theo lộ trình, cải tiến cách thức quản lý... Tuy nhiên, hiện nay quá trình thực thi chính sách thuế nhập khẩu ở Việt Nam còn nhiều điểm không hợp lý như: gian lận trong việc xác định trị giá tính thuế nhập khẩu dẫn đến lậu thuế, trốn thuế, miễn giảm thuế gây mất nguồn thu cho Nhà nước tác động tới phát triển kinh tế của đất nước. Vì vậy, xây dựng chính sách thuế nhập khẩu phù hợp với tiến trình hội nhập kinh tế quốc tế để áp dụng hiệu quả trên thực tế, đảm bảo nguồn thu ngân sách chính phủ, bảo hộ được ngành sản xuất trong nước và đảm bảo sự tuân thủ đầy đủ của Việt Nam trong quá trình thực thi các cam kết, tăng sức cạnh tranh của nền kinh tế, thúc đẩy sản xuất phát triển, bảo đảm lợi ích quốc gia là vô cùng cần thiết. Xây dựng và hoàn thiện chính sách thuế nhập khẩu giúp kinh tế quốc gia phát triển là một nhiệm vụ vô cùng khó khăn, đặc biệt trong tiến trình hội nhập kinh tế khu vực và thế giới.

Nghiên cứu này đã phân tích được thực trạng các chính sách thuế nhập khẩu của Việt Nam trong thời gian qua, từ đó nghiên cứu đã đưa ra được định hướng và những giải pháp hoàn thiện chính sách thuế nhập khẩu trong thời gian tới. Tuy nhiên, trong phạm vi thời gian và nguồn lực có hạn cùng với bối cảnh kinh tế thế giới hiện nay thay đổi không ngừng, các giải pháp phần nào chỉ hoàn thiện và áp dụng trong

thời gian ngắn và cũng cần xem xét kỹ lưỡng khi áp dụng để phù hợp với tình hình kinh tế Việt Nam và thế giới. Vì vậy, rất cần thiết để các nhà nghiên cứu quan tâm và trao đổi chia sẻ thêm về chính sách thuế nhập khẩu của Việt Nam trong thời kỳ hội nhập khu vực và thế giới nhằm xây dựng một chính sách thuế nhập khẩu ngày càng hoàn thiện hơn. ♦

Tài liệu tham khảo:

1. Balassa B. (1961), *The Theory of Economic Integration*, London, Allew and Unwin.
2. Bộ Công Thương (2010-2015), *Báo cáo xúc tiến xuất khẩu 2010 - 2015*, Cục xúc tiến thương mại, Bộ Công Thương.
3. Bretschger Lucas, Steger Thomas M. (2004), *The dynamics of economic integration: Theory and policy*, International Economics and Economic Policy, Volume 1, Issue 2, pp 119-134.
4. Đỗ Đức Bình, Nguyễn Thường Lạng (2013), *Giáo trình Kinh tế Quốc tế*, NXB Đại Học Kinh tế quốc dân.
5. Haberler Gottfried von (1936), *The Theory of International Trade*, with applications to Commercial Policy, London: William Hodge & Company, 1936.
6. Krugman Paul R., Obstfeld Maurice, Melitz Marc (2014), *International Economics: Theory and Policy*, Prentice Hall; 10th edition.
7. Luật Thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu số 45/2005/QH11.

Summary

In international business activities, import tariffs represent one of the most fundamental tools as they are the foundations for trading and the main revenue of the State budget. The introduction of tariff policies is closely linked to the development of foreign trade and the State. Amid the present context of regional and international integration, Vietnams import tariff policies have revealed some limitations and inadequacies. It is therefore necessary to amend and supplement them to make them compatible with international laws and norms to facilitate the national economic integration process.